

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa hư hỏng cục bộ đoạn Km34 - Km38 (Tô Múa - Mường Tè), ĐT.101

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 /11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 2566/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023; Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 04/01/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch bảo trì hệ thống đường tỉnh năm 2023;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 714/TTr-SGTVT ngày 14/3/2023 và Kết quả thẩm định số 705/KQTĐ-SGTVT ngày 13/3/2023.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình với những nội dung chủ yếu như sau:

**1. Tên dự án:** Sửa chữa hư hỏng cục bộ đoạn Km34 - Km38 (Tô Múa - Mường Tè), ĐT.101.

**2. Người quyết định đầu tư:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

**3. Chủ đầu tư:** Sở Giao thông vận tải.

**4. Mục tiêu, phạm vi, quy mô xây dựng**

4.1. Mục tiêu: Đảm bảo an toàn giao thông, cải thiện và nâng cao khả năng khai thác công trình.

## 4.2. Quy mô và giải pháp sửa chữa chủ yếu.

4.2.1. *Quy mô:* Tuân thủ quy mô hiện trạng tuyến đường đang khai thác.

4.2.2. *Giải pháp sửa chữa chủ yếu:*

Khôi phục mặt đường bằng đá dăm láng nhựa, bổ sung hệ thống thoát nước và hệ thống ATGT, cụ thể như sau:

a) *Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường*

- Các vị trí mặt đường cũ rạn nứt, lún võng, bong bật: Vệ sinh, tạo nhám bù vênh bằng đá dăm nước khôi phục siêu cao mui luyện, tăng cường lớp đá dăm nước dày 10cm, trên láng nhựa 3 lớp TCN 4,5kg/m<sup>2</sup>, hai đầu đoạn sửa chữa vuốt nối hài hòa đảm bảo êm thuận.

- Các vị trí mặt đường cũ hư hỏng nặng, kết cấu bị phá vỡ: Đào bỏ kết cấu móng, mặt đường cũ bị hư hỏng, lu khuôn đường đảm bảo độ chặt  $K \geq 0,98$ ; hoàn trả bằng kết cấu mặt đường từ dưới lên như sau: lớp móng đá dăm nước dày 30cm (lớp trên dày 15cm, lớp dưới dày 15cm), trên láng nhựa 03 lớp TCN 4,5kg/m<sup>2</sup>.

- Các vị trí mặt đường cũ bị sinh lún, cao su: Đào bỏ toàn bộ lớp kết cấu bị hư hỏng và lớp đất yếu dưới khuôn (chiều sâu dự kiến 30cm); bố trí rãnh xương cá trên phần lề đường phía ta luy âm, kích thước 50x30cm để nước trong móng đường thoát ra ngoài; hoàn trả bằng kết cấu từ dưới lên như sau: đắp thay lớp đất yếu bị đào bỏ, lu khuôn đường đảm bảo độ chặt  $K \geq 0,98$ , sau đó thi công hoàn trả lớp móng đá dăm nước dày 30cm (lớp dưới dày 15cm, lớp trên dày 15cm), trên láng nhựa 03 lớp TCN 4,5kg/m<sup>2</sup>.

- Lề đường: Đắp đất đảm bảo độ chặt  $K \geq 0,95$ , phù hợp với cao độ mặt đường sau khi sửa chữa, đảm bảo thoát nước ngang ra rãnh biên và hai bên đường.

- Sửa chữa, gia cố tường chắn tại các vị trí sạt lở ta luy âm, kết cấu bằng rọ đá kích thước (2x1x0,5)m và (2x1x1)m để đảm bảo ổn định nền đường.

b) *Rãnh thoát nước dọc:* Sửa chữa, gia cố rãnh dọc hình thang kích thước đáy rãnh rộng 40cm, miệng rãnh rộng 1,2m và sâu 40cm, kết cấu đáy bằng BTXM M150 đổ tại chỗ, thành rãnh bằng BTXM M200 lắp ghép. Các vị trí đường ngõ vào nhà dân lắp đặt tấm đan kích thước (140x80x12)cm, kết cấu bằng BTCT M250 lắp ghép.

c) *Cống thoát nước ngang đường:*

- Sửa chữa 01 vị trí cống tròn cũ bị hư hỏng không đảm bảo khả năng nước tại Km34+002.05 bằng cống tròn D=2,0m; 01 vị trí có khe nước lớn chưa bố trí công trình thoát nước tại Km34+256.00 bằng cống tròn D=1,5m; kết cấu ống cống bằng BTCT M250 lắp ghép, thân cống, móng cống, tường cánh, tường đầu, sân cống,... bằng BTXM M200 đổ tại chỗ.

- Sửa chữa các vị trí cống bị hư hỏng tường đầu, hồ tụ, tường cánh, sân cống,... bằng BTXM M200. Nâng cao tường đầu cống bằng BTXM M200 phù hợp với cao độ mặt đường sau khi sửa chữa.

d) *Hệ thống an toàn giao thông:* Sửa chữa, lắp đặt cọc tiêu, cọc H, cột

Km, biển báo phù hợp với mặt đường sau khi sửa chữa đảm bảo tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

*đ) Các nội dung khác:* Theo hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

#### 4.2.3. Khối lượng chủ yếu:

- Chiều dài thiết kế	:	3.994,55 m
- Khối lượng đào, đắp nền đường	:	4.932,11 m <sup>3</sup>
- Mặt đường láng nhựa 3 lớp, TCN 4,5kg/m <sup>2</sup>	:	13.340,88 m <sup>2</sup>
- Rãnh hình thang BTXM lắp ghép	:	3.068,00 m
- Sửa chữa công thoát nước ngang đường	:	16 cái
- Kè rọ thép	:	03/24,00 đoạn/m
- Nâng cao cột Km	:	05 cột
- Nâng cao, bổ sung cọc H	:	36 cọc
- Nâng cao, bổ sung cọc tiêu	:	328 cọc
- Sửa chữa, bổ sung biển báo	:	38 cái

#### 5. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật:

- Đơn vị tư vấn: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư giao thông Sơn La;
- Chủ nhiệm lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Kỹ sư Trần Văn Khuy.

#### 6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng

- Địa điểm xây dựng: Huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La.
- Diện tích đất sử dụng: Trong phạm vi đường cũ đang khai thác và hành lang đường bộ.

**7. Loại, nhóm dự án:** Sửa chữa công trình đường bộ đang khai thác, nhóm C.

#### 8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu

8.1. Số bước thiết kế: 01 bước (Báo cáo kinh tế - kỹ thuật).

8.2. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- TCVN 4054-2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế;
- TCCS 31:2020/TCĐBVN Tiêu chuẩn cơ sở đường ô tô – tiêu chuẩn khảo sát;
- TCCS 38:2022/TCĐBVN Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;
- TCVN 8863:2011 Mặt đường láng nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 9504:2012 Lớp kết cấu áo đường đá dăm nước - Vật liệu, thi công và nghiệm thu;
- TCVN 4447:2012 Công tác đất thi công và nghiệm thu;
- TCVN 5574:2012 Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép;
- TCVN 7570:2006 Yêu cầu kỹ thuật cốt liệu cho bê tông và vữa;

- TCVN 1651-1:2008; 1651-2:2008 Thép cốt bê tông;
- TCVN 8817-1:2011 Nhũ tương nhựa đường axit - Phần 1 - Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 8818-1:2011 Nhựa đường lỏng - Phần 1 - Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 8791:2011 Yêu cầu kỹ thuật về sơn tín hiệu giao thông;
- QCVN 41:2019/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ;
- TCCS 14:2016/TCĐBVN Tiêu chuẩn về tổ chức giao thông và bố trí phòng hộ khi thi công trên đường bộ đang khai thác;
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan.

**9. Tổng mức đầu tư: 7.000.000.000,0 đồng.**

Trong đó:

- Chi phí xây dựng : 6.180.024.000 đồng;
- Chi phí QLDA : 135.916.000 đồng;
- Chi phí tư vấn : 556.012.000 đồng;
- Chi phí khác : 127.391.000 đồng;
- Chi phí dự phòng : 657.000 đồng.

**10. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2023.**

**11. Nguồn vốn đầu tư:** Ngân sách nhà nước (theo Quyết định số 2566/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 của UBND tỉnh).

**12. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định.

**Điều 2.** Sở Giao thông vận tải Sơn La (chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng các nội dung được phê duyệt và đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Vân Hồ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Hồng Minh**